

LD VIETSOVPETRO
TRƯỞNG BAN ĐĐTT

K/g: **Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam**

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 25/08/2020

STT	NOMBA Y	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		P5	7:25	21	0		21	0	
2		TD2	7:25	13	0		15	0	

TTĐĐSX



FLIGHT MANIFEST



DATE: 25/08/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 846	ETD: 07:32
FLIGHT: 1	TO: P5	CREW: HUNG - Mạnh - Năm	ETA: 09:10
CAM-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	DƯƠNG ĐIỆP PHI	P5				65	77	KHOAN	Vietnamese
2	NGUYỄN ĐỨC CHINH-APAVE	P5	30	1	8		55	APAVE	Vietnamese
3	PHẠM VĂN CHÂU	P5	94	1	10		65	KHOAN	Vietnamese
4	NGUYỄN TRỌNG THUY	P5					68	KHOAN	Vietnamese
5	CAO ĐÌNH THÀNH	P5	26	1	5		55	KHOAN	Vietnamese
6	NGUYỄN XUÂN HẬU	P5	96	1	3		71	KHOAN	Vietnamese
7	NHẠM ĐỨC QUANG	P5	18-19	2	6		75	KHOAN	Vietnamese
8	TRẦN ĐỨC DỤC	P5	27	1	5		60	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYỄN HỮU NAM-PVD	P5	99	1	8		85	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYỄN VĂN HUYNH	P5	45	1	4		64	KHOAN	Vietnamese
11	LÊ XUÂN TUYẾN	P5					62	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYỄN XUÂN QUANG	P5	97	1	2		70	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYỄN MINH HUNG	P5	83	1	6		55	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYỄN TIẾN HÒA	P5	20	1	3		75	KHOAN	Vietnamese
15	HUYNH TRUNG NGHĨA	P5	98	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
16	PHẠM MINH CƯỜNG	P5	28-29	2	8		65	D-HANH	Vietnamese
17	BAEV	P5	95	1	6		84	ANTOAN	Russian
18	NGUYỄN VĂN NGÀ	P5	24	1	8		63	NIPI	Vietnamese
19	IVANOV	P5	31-32	2	10		75	NIPI	Russian
20	KLETSOV	P5	25	1	8		98	NIPI	Russian
21	NGUYỄN SỸ HƯA	P5	92-93	2	20		58	T-TIN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P5	21	22	125	1.445	65	21		
	TOTAL	21	22	125	1.445	65	21		
	WEIGHT KG			125	1.445	65			

GRAND TOAL: 1.635 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 25/08/2020	TO: TD2	AIRCRAFT: 614	ETD: 07:30
FLIGHT: 2	FROM: VT	CREW: Trương - Dũng	ETA: 10:30
xanh-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	BUI VĂN CHÍNH	TD2	99	1	17		75	KHOAN	Vietnamese
2	NGUYỄN NGỌC LÊ	TD2	74	1	10		70	KHOAN	Vietnamese
3	TRẦN TRỌNG ANH	TD2	97	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
4	LÝ ANH TUẤN	TD2	88	1	5		85	KHOAN	Vietnamese
5	HOÀNG VĂN BÁC	TD2					80	KHOAN	Vietnamese
6	NGÔ VĂN BÁC	TD2	72	1	5	20	75	KHOAN	Vietnamese
7	BUI NGỌC ĐỎ	TD2	98	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
8	NGUYỄN CAO CUÔNG-PVD	TD2	387-388	2	10		78	KHOAN	Vietnamese
9	TRỊNH QUANG HUY	TD2					72	KHOAN	Vietnamese
10	HOÀNG ĐÌNH THẮNG	TD2	87	1	5		57	KHOAN	Vietnamese
11	ĐỖ VĂN HUNG	TD2	71	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYỄN NHỎ ĐỒNG	TD2	200	1	15		72	MI-SWASCO	Vietnamese
13	NGÔ VĂN TRỌNG	TD2	69-70	2	12		57	MI-SWASCO	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD2	13	13	94	936	20	15		
TOTAL		13	13	94	936	20	15		
WEIGHT KG				94	936	20			

GRAND TOAL: 1.050 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

LD VIETSOVPETRO
TRƯỞNG BAN ĐĐT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 26/08/2020

STT	NOMBA Y	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		CLO+BK5+TD5	7:25	3+10+9	0+0+0		0+10+12	0+0+0	
2		TTC2+BK15+BK10	7:25	4+11+7	0+0+0		1+8+13	0+0+0	
3		TD3+TD5	7:25	19+3	0+0		13+9	0+0	
4		P9+P10	7:25	14+8	0+0		10+12	0+0	
5		RC5+TD3+PPD	9:25	5+3+12	0+0+0		0+4+18	0+0+0	Chuyen 2 TD3-PPD
6		MRM+P9	9:25	9+12	0+0		4+18	0+0	
7		PPD+TD5	9:25	17+5	0+0		9+13	0+0	
8		P10+BK15	11:25	19+1	0+0		16+6	0+0	
9		PPD+P11+TD1	11:25	14+5+1	0+0+0		13+8+1	0+0+0	
10		CTK3+BK4+BK3	11:25	4+5+5	0+0+0		9+6+7	0+0+0	

TTĐĐSX

FLIGHT MANIFEST

DATE: 26/08/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 07:30
FLIGHT: 1	TO: CLO - BK5 - TD5	CREW: Hạnh - XTrường - N Nam	ETA: 09:10
XANH-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN BÁ THANH	CLO	92	1	6		70	XAYLAP	Vietnamese
2	LÊ VĂN TÍNH	CLO	93-94	2	9		77	XAYLAP	Vietnamese
3	TRẦN DANH SƠN	CLO	95	1	8		60	NIPI	Vietnamese
4	PHẠM NGỌC PHONG	BK5	97	1	9		75	XAYLAP	Vietnamese
5	NGUYỄN VĂN LỢI	BK5	98-99	2	17		62	XAYLAP	Vietnamese
6	NGUYỄN BA THANH	BK5	49-50	2	19		73	XAYLAP	Vietnamese
7	LÊ ĐÌNH NINH	BK5	96	1	15		70	XAYLAP	Vietnamese
8	NGUYỄN NGỌC ANH	BK5	42	1	18		72	XAYLAP	Vietnamese
9	NGUYỄN KHẮC QUÝ	BK5	51-52	2	20		70	XAYLAP	Vietnamese
10	VŨ VĂN TRUNG	BK5	46-47	2	16	50	72	XAYLAP	Vietnamese
11	PHẠM THANH NAM	BK5	44,48	2	22		67	XAYLAP	Vietnamese
12	LÊ XUÂN HIỀN	BK5	300	1	13		60	XAYLAP	Vietnamese
13	NGUYỄN ĐỨC QUANG	BK5	45	1	10		100	PSV	Vietnamese
14	NGUYỄN XUÂN HẢI	TD5	55	1	5		80	KHOAN	Vietnamese
15	ZHDANOV V.N	TD5	52	1	15		125	KHOAN	Russian
16	NGUYỄN DUY TÂM	TD5	51	1	5		63	KHOAN	Vietnamese
17	NGUYỄN TÂN VINH	TD5	48-49	2	11		88	KHOAN	Vietnamese
18	NGUYỄN XUÂN THANH	TD5	53	1	7		67	KHOAN	Vietnamese
19	NGUYỄN ĐỨC THỊNH	TD5	54	1	7		72	KHOAN	Vietnamese
20	NG ANH HÙNG*PK-PVD	TD5	50	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
21	OZEROV V	TD5	20	1	4		90	DVLY	Rus
22	NGUYEN DINH HUONG	TD5	19	1	4		60	DVLY	Vietnamese

FLIGHT PLAN

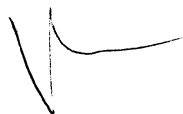
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CLO	3	4	23	207	0	0		
2	BK5	10	15	159	721	50	10		
3	TD5	9	10	63	715	0	12		
TOTAL		22	29	245	1.643	50	22		
WEIGHT KG				245	1.643	50			

GRAND TOAL: 1.938 KGS

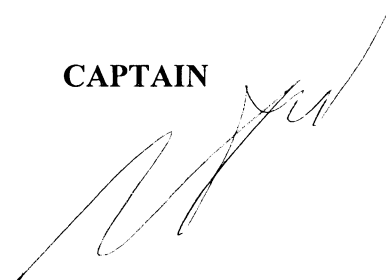
VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 26/08/2020	TO: TTC2 - BK15 - BK10	AIRCRAFT: 846	ETD: 07:35
FLIGHT: 2	FROM: VT	CREW: Vận - VLinH - HIẾU	ETA: 09:15
cam-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	HÀ VĂN TRƯỜNG	TTC2	12-13	2	7		55	XAYLAP	Vietnamese
2	NGUYỄN HỒ QUANG	TTC2	14	1	12	40	60	XAYLAP	Vietnamese
3	NGUYỄN ĐÌNH ĐẠT	TTC2	10-11	2	12		67	XAYLAP	Vietnamese
4	TRẦN TRUNG THẮNG	TTC2	15	1	5		80	PSV	Vietnamese
5	NGUYỄN ANH TUẤN	BK15	83	1	2		71	D-HANH	Vietnamese
6	NGUYỄN ĐẠI PHÚC	BK15					60	KH-THAC	Vietnamese
7	ĐỖ HIỆP PHÚ	BK15	71	1	5		65	ANTOAN	Vietnamese
8	VŨ NGUYỄN TRUNG	BK15					47	KH-THAC	Vietnamese
9	VOEVODCHENKOV N. V	BK15	77	1	3		100	KH-THAC	Russian
10	NGUYỄN HOANG KHA	BK15	75	1	10		70	KH-THAC	Vietnamese
11	LƯU TIẾN THANH	BK15	76	1	5	50	80	KH-THAC	Vietnamese
12	PHAN QUANG HOANG	BK15	90	1	10		65	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN ĐUNG	BK15	82	1	5		60	DVL	Vietnamese
14	NGUYỄN TUẤN ANH	BK15	68	1	15		65	DVL	Vietnamese
15	NGUYỄN VĂN TRUNG	BK15	73	1	5		65	PSV	Vietnamese
16	TRẦN CHÂU NAM	BK10	92	1	7		80	KH-THAC	Vietnamese
17	ĐỖ TUẤN VIỆT	BK10	91	1	10		76	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN VĂN HỒNG	BK10	02	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
19	TRẦN CÔNG HOAN	BK10	01	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
20	NGHIÊM XUÂN ANH	BK10	94	1	5	40	60	KH-THAC	Vietnamese
21	MAI CAO ĐỊNH	BK10	89-90,95	3	10		65	PSV	Vietnamese
22	TRẦN TRỌNG VŨ	BK10	87-88	2	12		57	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TTC2	4	6	36	262	40	1		
2	BK15	11	9	60	748	50	8		
3	BK10	7	10	54	463	40	13		
TOTAL		22	25	150	1.473	130	22		
WEIGHT KG				150	1.473	130			

GRAND TOAL: 1.753 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 26/08/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:40
FLIGHT: 3	TO: TD3 - TD5	CREW: HUNG - KHOAN - QTruong	ETA: 09:20
VIP+TRANG B			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	POPOV A.V**	TD3					120	D-HANH	Russian
2	BONDARENKO V.A **	TD3					100	D-HANH	Russian
3	FOKS S I	TD3	69	1	7		135	D-HANH	Russian
4	DUONG THANH TUNG	TD3	67	1	3		74	D-HANH	Russian
5	TOIB R.R **	TD3	68	1	5		102	KHOAN	Russian
6	SHERBAKOV	TD3	66	1	5		92	KHOAN	Russian
7	GUSHEYNOV	TD3	72-73	2	8	25	80	KHOAN	Russian
8	BUI HUU VUNG	TD3	76-77	2	15		76	KHOAN	Vietnamese
9	DOAN QUANG BAC	TD3	83	1	3		68	KHOAN	Vietnamese
10	NGO VAN KIEM	TD3	84	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
11	DO THANH HAI	TD3	79-80	2	6		85	KHOAN	Vietnamese
12	LUU VAN SON	TD3	82	1	3		63	KHOAN	Vietnamese
13	LE ANH XUAN	TD3	81	1	5		68	KHOAN	Vietnamese
14	PHAN HAI NAM	TD3					70	KHOAN	Vietnamese
15	HA VAN PHUC	TD3					78	KHOAN	Vietnamese
16	PHAM VAN BIEN	TD3	75	1	3		63	KHOAN	Vietnamese
17	SADOVNICHENKO	TD3	65	1	9		104	KHOAN	Russian
18	BUI VAN QUYET	TD3	74	1	10		86	KHOAN	Vietnamese
19	LE HUU HUNG	TD3	78	1	10		77	KHOAN	Vietnamese
20	LAM VAN HANH	TD5	93	1	6		65	KHOAN	Vietnamese
21	NGUYEN NGOC CUONG(PVD)	TD5	92	1	8	16	63	KHOAN	Vietnamese
22	TRINH DUY THANH	TD5				37	75	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD3	19	18	97	1.606	25	13		
2	TD5	3	2	14	203	53	9		
TOTAL		22	20	111	1.809	78	22		
WEIGHT KG				111	1.809	78			

GRAND TOAL: 1.998 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 26/08/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 416	ETD: 07:50
FLIGHT: 4	TO: P9 - P10	CREW: ĐỨC - VTHU - Luy	ETA: 09:30
VANG-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN BÁ THANH	P9	92	1	4	25	70	KH-THAC	Vietnamese
2	HỒ ĐỨC HIỀN	P9	85-86	2	15		52	YTE	Vietnamese
3	TRẦN VĂN QUÊ	P9	98	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN XUÂN HOANG	P9	95	1	8		70	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN VĂN DUY ANH	P9	94	1	7		71	KH-THAC	Vietnamese
6	TRƯƠNG THÈ DỪNG	P9	93	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
7	LÊ TAM THUY	P9	90	1	6		75	KH-THAC	Vietnamese
8	LÊ LĂNG TÚ	P9	88-89	2	11		65	KH-THAC	Vietnamese
9	TRẦN XUÂN HƯƠNG	P9	84	1	7		57	KH-THAC	Vietnamese
10	LÊ VĂN LINH	P9	99	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
11	VŨ NAM GIANG	P9	97	1	7		75	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN HOÀI THANH	P9	96	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN TUÂN ANH	P9	87	1	3		65	KH-THAC	Vietnamese
14	TRẦN ĐA KHA	P9	91	1	5		86	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN TRỌNG BÌNH	P10	92	1	7	75	65	YTE	Vietnamese
16	NGUYỄN VĂN ĐỨC	P10	95	1	11		78	KH-THAC	Vietnamese
17	BAĐIKOV M.F.	P10	94	1	6		71	KH-THAC	Russian
18	TRẦN VĂN THẮNG	P10	30	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
19	PHẠM VĂN HƯƠNG	P10	28	1	6		72	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN QUỐC KHÁNH	P10	93	1	13		76	KH-THAC	Vietnamese
21	VŨ BAO TRUNG	P10	80	1	5		88	KH-THAC	Vietnamese
22	VŨ ĐĂNG HOANG	P10	91	1	4		68	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P9	14	16	93	982	25	10		
2	P10	8	8	57	593	75	12		
TOTAL		22	24	150	1.575	100	22		
WEIGHT KG				150	1.575	100			

GRAND TOAL: 1.825 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 26/08/2020	TO: RC5 - TD3 - PPD	AIRCRAFT: 427	ETD: 09:30
FLIGHT: 5	FROM: VT	CREW: Hạnh - XTrưởng - N.Nam	ETA: 11:10
xanh-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐỖ VĂN THÀNH	RC5	30	1	7		82	CODIEN	Vietnamese
2	DUƠNG HỮU THUẬN	RC5	24	1	5	100	64	CODIEN	Vietnamese
3	PHẠM VĂN HUÂN	RC5	27	1	10		60	CODIEN	Vietnamese
4	NGUYỄN HỒNG QUÂN	RC5	25-26	2	17		65	CODIEN	Vietnamese
5	CHU TUÂN ANH	RC5	28-29	2	10		64	CODIEN	Vietnamese
6	NGUYỄN MẠNH HOÀN	TD3	85	1	7		62	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYỄN THANH HẢI	TD3	86	1	12	20	75	DVL	Vietnamese
8	NGUYỄN VĂN VIỆT	TD3	68-69	2	17		67	BAKER HU	Vietnamese
9	PARSHIN	PPD	61-62	2	17		70	KH-THAC	Russian
10	PHẠM XUÂN VINH PHÚC	PPD	60	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
11	PHẠM NGUYỄN ĐẠT	PPD	69-70	2	8		60	TECMACH	Vietnamese
12	LÊ NGỌC SƠN	PPD	66	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
13	PHAN ANH ĐỨC	PPD	67	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
14	VU VĂN CUÔNG	PPD	65	1	10		85	KH-THAC	Vietnamese
15	HỒ CÔNG ANH	PPD					70	KH-THAC	Vietnamese
16	LÊ TRI HAO	PPD					68	KH-THAC	Vietnamese
17	BIỆN ĐĂNG SÂM	PPD	59	1	5	20	65	KH-THAC	Vietnamese
18	TÀ GIA SƠN	PPD	68	1	10	20	65	KH-THAC	Vietnamese
19	ĐẶNG THANH TRUNG	PPD	57	1	10		78	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN QUYẾT CHIẾN	PPD	58	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RC5	5	7	49	335	100	0		CHUYEN 2 PAX TD3 SANG PPD
2	TD3	3	4	36	204	20	4	2	
3	PPD	12	12	80	836	40	18		
TOTAL		20	23	165	1.375	160	22		
WEIGHT KG				165	1.375	160			

GRAND TOAL: 1.700 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 26/08/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 846	ETD: 09:35
FLIGHT: 6	TO: MRM - P9	CREW: Vận - NPhú - HIẾU	ETA: 11:15
CAM-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	CHERNYSHEV VALERII	MRM	35-36	2	18	3	108	KHOAN	Russian
2	LELNIOV ANDREI	MRM	38	1	20		80	KHOAN	Russian
3	ALIBEKOV SAIDKULU	MRM	37	1	9		84	KHOAN	Russian
4	VIRIN ALVIN	MRM	39	1	8		91	KHOAN	Russian
5	KHOMENKO IGOR	MRM	40-41	2	20		92	KHOAN	Russian
6	DENISENKO ANDREI	MRM	42	1	15		87	KHOAN	Russian
7	LAM VAN KIEN	MRM	34	1	5		66	KHOAN	Vietnamese
8	NGUYEN DUC CUONG	MRM	31-32	2	10		65	KHOAN	Vietnamese
9	SIDORSKY D.A.	MRM	33	1	15		92	KHOAN	Russian
10	TRINH THE NHAN	P9	41	1	8		76	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYEN THANH TUNG	P9	47	1	6		70	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYEN VAN HUY	P9	46	1	4		60	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYEN MINH HIEN	P9	39	1	6		80	KH-THAC	Vietnamese
14	TRAN HUU TRI	P9	01-02	2	5		68	KH-THAC	Vietnamese
15	ĐANG ĐỨC HAI	P9	43	1	8		64	KH-THAC	Vietnamese
16	BUI CONG THANG	P9	03	1	8		57	KH-THAC	Vietnamese
17	PHAM TIEN PHUONG	P9	40	1	3		70	KH-THAC	Vietnamese
18	TRINH HUY KHIEM	P9	200	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYEN DUC THANH	P9	42	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese
20	TRAN NGOC DO	P9	45	1	2		70	KH-THAC	Vietnamese
21	LE TIEN QUY	P9	44	1	4		70	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	MRM	9	12	120	765	3	4		
2	P9	12	13	63	827	0	18		
TOTAL		21	25	183	1.592	3	22		
WEIGHT KG				183	1.592	3			

GRAND TOAL: 1.778 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 26/08/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 09:40
FLIGHT: 7	TO: PPD - TD5	CREW: HUNG - KHOAN - QTruong	ETA: 11:20
VANG-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN ĐỨC DỤC	PPD				20	73	KH-THAC	Vietnamese
2	HOÀNG MINH QUÂN	PPD				6	70	KH-THAC	Vietnamese
3	ĐẶNG QUỐC VIỆN	PPD	86-87	2	6		72	KH-THAC	Vietnamese
4	PHẠM THIÊN NAM	PPD	93	1	9		66	KH-THAC	Vietnamese
5	THAI HOÀNG TÂM	PPD	89	1	8		73	KH-THAC	Vietnamese
6	ĐẶNG QUANG TÊ	PPD	80	1	8		60	KH-THAC	Vietnamese
7	CAO VĂN HỘI	PPD	88	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
8	PHẠM HIỀN TRƯỞNG	PPD	79	1	4		65	KH-THAC	Vietnamese
9	VŨ VĂN ĐỒNG	PPD	78	1	5		62	KH-THAC	Vietnamese
10	KHÔNG TIẾN DŨNG	PPD	94	1	5		76	KHI	Vietnamese
11	NGUYỄN NGỌC AN	PPD	92	1	15		75	XAYLAP	Vietnamese
12	NGUYỄN VĂN LỘC	PPD	91	1	11		63	XAYLAP	Vietnamese
13	LÊ VIỆT ANH ĐỨC	PPD	81-82	2	16		73	XAYLAP	Vietnamese
14	PHẠM VĂN TUẤT	PPD	90	1	13		82	XAYLAP	Vietnamese
15	PHẠM VĂN VUI	PPD	85	1	9		62	XAYLAP	Vietnamese
16	LÊ QUỐC HƯƠNG	PPD	83	1	11		72	XAYLAP	Vietnamese
17	HOÀNG NGỌC HÀ	PPD	84	1	10		64	XAYLAP	Vietnamese
18	LÊ THANH THAI	TD5	24	1	14	70	97	KHOAN	Vietnamese
19	VŨ TRỌNG HẠCH	TD5	25	1	10		77	KHOAN	Vietnamese
20	PHẠM VĂN LUAN	TD5	21	1	4		59	KHOAN	Vietnamese
21	LE XUAN THANG	TD5	22-23	2	19		80	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PPD	17	17	135	1.180	26	9		
2	TD5	4	5	47	313	70	13		
TOTAL		21	22	182	1.493	96	22		
WEIGHT KG				182	1.493	96			

GRAND TOAL: 1.771 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 26/08/2020	TO: P10 - BK15	AIRCRAFT: 427	ETD: 11:30
FLIGHT: 08	FROM: VT	CREW: Hạnh - ĐNam - Toan	ETA: 13:10
XANH-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	HOÀNG SỸ NGUYỄN	P10	92-93	2	6	20	83	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN VĂN CUÔNG	P10	01-02	2	12		75	KH-THAC	Vietnamese
3	TRÌNH XUÂN QUÂN	P10	84	1	4		80	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN KHANH TOÀN	P10	94	1	6		75	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN VĂN THAO	P10					67	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN THẾ HÙNG	P10	86	1	10		74	KH-THAC	Vietnamese
7	LÊ NGỌC ANH	P10	98	1	10		75	KH-THAC	Vietnamese
8	ĐỖ LỆNH ĐẠO	P10					86	KH-THAC	Vietnamese
9	ĐỖ TRƯỞNG THỊNH	P10	85	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN QUỐC PHI	P10	96	1	5		61	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN VĂN HUÂN	P10	87	1	3		69	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN VIỆT ANH	P10	82	1	4		72	KH-THAC	Vietnamese
13	PHAN BAO TOÀN	P10	97	1	4		80	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN VŨ KIẾN	P10	95	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
15	PHẠM HỮU TRI	P10	89-90	2	12		62	KH-THAC	Vietnamese
16	HUỲNH CÔNG VĂN	P10	88	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
17	TRẦN MẠNH HÙNG	P10	91	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
18	TRẦN NGỌC VĂN	P10	81	1	12		61	KH-THAC	Vietnamese
19	TRƯƠNG VĂN TOÀN	P10	83	1	6		55	PSV	Vietnamese
20	PHAN VĂN HỒNG	BK15	64	1	6	20	68	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P10	19	20	114	1.365	20	16		
2	BK15	1	1	6	68	20	6		
TOTAL		20	21	120	1.433	40	22		
WEIGHT KG				120	1.433	40			

GRAND TOAL: 1.593 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 26/08/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 846	ETD: 11:35
FLIGHT: 09	TO: PPD - P11 - TD1	CREW: Vận - NPhú - DTùng	ETA: 13:15
CAM-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐÀO QUỐC HÙNG	PPD	99	1	20	12	60	XAYLAP	Vietnamese
2	NGUYỄN KIM HƯƠNG	PPD	97	1	15		57	XAYLAP	Vietnamese
3	TRẦN VĂN HỀ	PPD	31-32	2	19		65	XAYLAP	Vietnamese
4	LÊ XUÂN LẬP	PPD	30	1	13		69	XAYLAP	Vietnamese
5	NGUYỄN NAM HOÀNG	PPD	39	1	8		55	XAYLAP	Vietnamese
6	LÊ VĂN KHÁNH	PPD	98	1	15		60	XAYLAP	Vietnamese
7	HÒA QUANG THẮNG	PPD	33-34	2	12		62	XAYLAP	Vietnamese
8	PHẠM BA HOANG	PPD	27-28	2	21		62	XAYLAP	Vietnamese
9	TRẦN VĂN CHIÊU	PPD	38	1	10		62	XAYLAP	Vietnamese
10	LÊ XUÂN VIỆT	PPD	37	1	10	3	65	XAYLAP	Vietnamese
11	PHAN THANH HẢI	PPD	29	1	3		66	PSV	Vietnamese
12	VU TIEN DUNG	PPD	36	1	6		65	PSV	Vietnamese
13	VŨ XUÂN TIẾN	PPD	35	1	6		70	PSV	Vietnamese
14	HOÀNG MANH CUÔNG	P11	76	1	4	40	65	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN TRỌNG BĂNG	P11	75	1	3		68	KH-THAC	Vietnamese
16	TRẦN TRỌNG HIỂU	P11	74	1	5		57	KH-THAC	Vietnamese
17	PHẠM ĐÌNH TUẤN	P11	73	1	6		60	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN VĂN HIỀN	P11	77-78	2	7		72	PSV	Vietnamese
19	NGUYỄN CÔNG KHẮC	TD1	83	1	9		68	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PPD	13	16	158	818	15	13		
2	P11	5	6	25	322	40	8		
3	TD1	1	1	9	68	0	1		
TOTAL		19	23	192	1.208	55	22		
WEIGHT KG				192	1.208	55			

GRAND TOAL: 1.455 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 26/08/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 11:40
FLIGHT: 10	TO: CTK3 - BK4 - BK3	CREW: HUNG - DUNG - THU	ETA: 13:20
TRANG-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN TRẦN ĐỨC MINH	CTK3	02-03	2	20	45	84	KH-THAC	Vietnamese
2	TRAN XUAN PHUC/VNHS	CTK3					80	DIEU HAN	Vietnamese
3	HOANG VAN THANH/VNHS	CTK3	07	1	5		76	DIEU HAN	Vietnamese
4	BABKIN A.M.	BK4	11	1	11		95	KH-THAC	Russian
5	TRẦN ĐỨC BA	BK4				40	86	KH-THAC	Vietnamese
6	ĐOÀN NGUYỄN BẢO CHÂU	BK4	12	1	4		61	KH-THAC	Vietnamese
7	TỔNG TRUNG HUY	BK4	15	1	5		76	KH-THAC	Vietnamese
8	HỒ VĂN ĐỨC	BK4	13-14	2	10		65	PSV	Vietnamese
9	LÊ CÔNG VINH	BK3	47	1	3		73	KH-THAC	Vietnamese
10	THAI HAI HA	BK3	43-45	3	20		59	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN BA DUY	BK3	46	1	5	40	60	KH-THAC	Vietnamese
12	TRẦN VIỆT BÌNH	BK3	42	1	5		59	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CTK3	3	3	25	240	45	9		+1 NB VE GHE PHU
2	BK4	5	5	30	383	40	6		
3	BK3	4	6	33	251	40	7		
TOTAL		12	14	88	874	125	22		
WEIGHT KG				88	874	125			

GRAND TOAL: 1.087 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN

